

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2025
ĐỐI TƯỢNG: THẠC SĨ

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
	NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (78)									
1	25.04.01.0001	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	23/06/1999	8.50	7.00	Miễn	15.50	
2	25.04.01.0002	Phan Huỳnh Châu	Anh	Nữ	24/07/1999	7.00	5.50	Miễn	12.50	
3	25.04.01.0003	Đoàn Việt	Anh	Nam	01/10/2000	6.50	6.00	Miễn	12.50	
4	25.04.01.0004	Nguyễn Lê Bảo	Anh	Nữ	21/04/2000	5.50	5.00	Miễn	10.50	
5	25.04.01.0005	Đặng Văn	Anh	Nữ	25/10/1998	9.00	6.00	Miễn	15.00	
6	25.04.01.0006	Nguyễn Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	06/01/1989	9.50	8.50	Miễn	18.00	
7	25.04.01.0007	Ngô Thị Kim	Anh	Nữ	22/08/1999	8.00	6.50	Miễn	14.50	
8	25.04.01.0008	Trần Thị Thanh	Bình	Nữ	14/11/1999	6.50	7.00	Miễn	13.50	
9	25.04.01.0009	Lâm Thị Phương	Dung	Nữ	01/01/1998	8.00	7.50	Miễn	15.50	
10	25.04.01.0010	Đào Tấn	Duy	Nam	16/09/1998	8.50	6.50	Miễn	15.00	
11	25.04.01.0011	Võ Phùng Quốc	Duy	Nam	07/10/1999	6.50	5.50	Miễn	12.00	
12	25.04.01.0012	Nguyễn Gia	Duy	Nam	08/12/1997	v	v	Miễn	0.00	
13	25.04.01.0013	Lâm Trí	Dũng	Nam	03/08/2000	6.00	5.50	Miễn	11.50	
14	25.04.01.0014	Bùi Đăng	Đạt	Nam	03/07/1999	6.50	6.00	Miễn	12.50	
15	25.04.01.0015	Đoàn Phương	Đông	Nam	01/01/1996	8.50	6.50	Miễn	15.00	
16	25.04.01.0016	Nguyễn Minh	Hào	Nam	06/05/2000	8.00	7.00	Miễn	15.00	
17	25.04.01.0017	Nguyễn Từ Nhật	Hạ	Nữ	29/08/1999	v	v	Miễn	0.00	
18	25.04.01.0018	Nguyễn Công	Hậu	Nam	09/12/2000	6.50	5.50	Miễn	12.00	
19	25.04.01.0019	Hồ Thị Thu	Hiền	Nữ	25/11/2000	8.00	7.00	Miễn	15.00	
20	25.04.01.0020	Nguyễn Hoàng Nhật	Hòa	Nam	06/03/2000	v	v	Miễn	0.00	
21	25.04.01.0021	Phạm Thị	Huyền	Nữ	09/03/1996	8.00	7.00	Miễn	15.00	
22	25.04.01.0022	Trần Thị Xuân	Huỳnh	Nữ	29/04/2000	6.50	4.00	Miễn	10.50	
23	25.04.01.0023	Phạm Thế	Hùng	Nam	23/02/1992	8.00	6.50	Miễn	14.50	
24	25.04.01.0024	Cao Phạm Minh	Khánh	Nữ	18/06/2000	5.50	5.50	Miễn	11.00	
25	25.04.01.0025	Nguyễn Phạm Anh	Khoa	Nam	22/02/1998	9.50	7.00	Miễn	16.50	
26	25.04.01.0026	Lê Nguyễn Yến	Khoa	Nữ	02/11/1999	8.50	5.50	Miễn	14.00	
27	25.04.01.0027	Dương Hương	Lan	Nữ	13/07/1999	8.00	5.50	Miễn	13.50	+1CS
28	25.04.01.0028	Lê Hoàng	Lan	Nữ	21/03/1997	8.00	6.50	Miễn	14.50	
29	25.04.01.0029	Kim Thanh	Lâm	Nam	02/05/1996	5.00	6.50	Miễn	11.50	+1CS
30	25.04.01.0030	Kiều Thị Ngọc	Linh	Nữ	08/5/1995	6.50	5.50	Miễn	12.00	
31	25.04.01.0031	Hoàng Mỹ	Linh	Nữ	21/05/2000	8.50	7.00	Miễn	15.50	
32	25.04.01.0032	Lê Thị Kim	Loan	Nữ	02/10/1999	4.00	4.00	Miễn	8.00	
33	25.04.01.0033	Nguyễn Hải	Long	Nam	18/06/2000	7.50	7.00	Miễn	14.50	
34	25.04.01.0034	Lê Công Gia	Luật	Nam	12/10/1998	7.00	5.50	Miễn	12.50	
35	25.04.01.0035	Trần Thị Trúc	Ly	Nữ	24/01/1999	5.50	5.50	Miễn	11.00	
36	25.04.01.0036	Lương Thị	Lý	Nữ	26/08/1999	7.50	6.00	Miễn	13.50	



STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
37	25.04.01.0037	Huỳnh Nhật	Mai	Nữ	20/11/2000	8.50	7.50	Miễn	16.00	
38	25.04.01.0038	Nguyễn Hoàng	Minh	Nữ	14/01/2000	7.00	6.00	Miễn	13.00	
39	25.04.01.0039	Trần Ngọc	Nam	Nam	16/05/1999	6.50	6.50	Miễn	13.00	
40	25.04.01.0040	Đoàn Nhật	Nam	Nam	15/10/2001	8.00	7.00	Miễn	15.00	
41	25.04.01.0041	Trần Bảo Hoàng	Nam	Nam	24/09/1995	7.50	7.00	Miễn	14.50	
42	25.04.01.0042	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	09/12/1998	7.50	7.00	Miễn	14.50	
43	25.04.01.0043	Lương Thành	Nguyên	Nam	30/01/1999	7.00	7.00	Miễn	14.00	
44	25.04.01.0044	Đặng Huỳnh	Nguyên	Nam	28/10/1998	7.50	7.00	Miễn	14.50	
45	25.04.01.0045	Trần Thị Minh	Nguyệt	Nữ	01/01/1997	7.50	6.50	Miễn	14.00	
46	25.04.01.0046	Lưu Thị Yến	Nhi	Nữ	28/08/1998	8.50	7.50	Miễn	16.00	
47	25.04.01.0047	Từ Bảo	Nhi	Nữ	26/03/1998	9.00	8.50	Miễn	17.50	
48	25.04.01.0048	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	09/06/1994	v	v	Miễn	0.00	
49	25.04.01.0049	Nguyễn Trần Bảo	Như	Nữ	21/12/2000	9.00	8.50	Miễn	17.50	
50	25.04.01.0050	Hồ Nguyễn Thanh	Như	Nữ	20/01/2000	6.50	6.50	Miễn	13.00	
51	25.04.01.0051	Triệu Nguyễn Minh	Nhật	Nam	11/04/1999	6.50	6.50	Miễn	13.00	
52	25.04.01.0052	Trần Như	Phúc	Nữ	10/02/1995	7.00	6.00	Miễn	13.00	
53	25.04.01.0053	Phạm Trần Xuân	Phương	Nữ	02/03/2000	4.00	4.00	Miễn	8.00	
54	25.04.01.0054	Nguyễn Thị Thúy	Phương	Nữ	17/11/1998	6.00	6.00	Miễn	12.00	
55	25.04.01.0055	Võ Nhật	Quỳnh	Nữ	02/09/1999	7.00	7.00	Miễn	14.00	
56	25.04.01.0056	Lê Văn Trường	Son	Nam	22/04/1997	10.00	8.00	Miễn	18.00	
57	25.04.01.0057	Nguyễn Trần Hoàng	Tâm	Nữ	18/10/2000	6.00	6.00	Miễn	12.00	
58	25.04.01.0058	Nguyễn Ngọc	Tấn	Nam	05/03/1999	8.00	5.50	Miễn	13.50	
59	25.04.01.0059	Cao Phương	Thanh	Nữ	22/12/1998	6.50	6.00	Miễn	12.50	
60	25.04.01.0060	Nguyễn Thị	Thị	Nữ	01/02/2000	8.00	6.50	Miễn	14.50	
61	25.04.01.0061	Trần Bá	Thiên	Nam	04/04/1995	8.50	5.50	Miễn	14.00	
62	25.04.01.0062	Trương Phước	Thông	Nam	09/09/2000	6.00	6.50	Miễn	12.50	
63	25.04.01.0063	Trương Vũ An	Thuyền	Nữ	13/06/2001	6.00	6.50	Miễn	12.50	
64	25.04.01.0064	Tạ Phạm Minh	Thư	Nữ	11/10/1999	8.50	8.00	Miễn	16.50	
65	25.04.01.0065	Nguyễn Hoàng Ngọc	Thư	Nữ	18/07/2000	9.50	9.00	Miễn	18.50	
66	25.04.01.0066	Trần Phạm Hoàng	Thy	Nữ	20/11/1999	8.50	7.50	Miễn	16.00	
67	25.04.01.0067	Phạm Sơn Minh	Thy	Nữ	21/09/1997	9.00	6.00	Miễn	15.00	+1CS
68	25.04.01.0068	Trương Ngọc	Tiến	Nam	14/10/1999	8.50	7.50	Miễn	16.00	
69	25.04.01.0069	Bùi Thị Thuý	Trang	Nữ	10/10/1997	7.00	5.50	Miễn	12.50	
70	25.04.01.0070	Huỳnh Thị Phương	Trang	Nữ	06/06/1997	7.50	6.50	Miễn	14.00	
71	25.04.01.0071	Lê Đăng Quế	Trâm	Nữ	23/12/1999	10.00	5.00	Miễn	15.00	
72	25.04.01.0072	Lê Phan Đình	Tuấn	Nam	18/09/1998	6.50	6.50	Miễn	13.00	
73	25.04.01.0073	Dương Ngọc	Tú	Nam	21/09/1996	8.50	8.00	Miễn	16.50	
74	25.04.01.0074	Phan Hoàng Thảo	Uyên	Nữ	15/09/2000	8.00	7.50	Miễn	15.50	
75	25.04.01.0075	Vũ Thị Thúy	Vân	Nữ	17/02/2001	7.50	7.00	Miễn	14.50	
76	25.04.01.0076	Nguyễn Thị Tường	Vi	Nữ	15/07/1997	8.00	7.00	Miễn	15.00	
77	25.04.01.0077	Hoàng Thị Hải	Yến	Nữ	20/01/1998	7.50	6.50	Miễn	14.00	
78	25.04.01.0078	Trần Ngọc Như	Ý	Nữ	14/05/2000	v	v	Miễn	0.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
	NGÀNH: DUỐC LÝ - DUỐC LÂM SÀNG (56)									
1	25.04.31.0125	Tăng Quế	An	Nữ	13/09/1998	6.00	5.50	Miễn	11.50	
2	25.04.31.0126	Đặng Tuyết	Anh	Nữ	15/07/2000	7.50	5.00	Miễn	12.50	
3	25.04.31.0127	Nguyễn Huỳnh Mai	Anh	Nữ	20/03/2001	5.00	4.00	Miễn	9.00	
4	25.04.31.0128	Nguyễn Trần Mỹ	Dung	Nữ	27/02/1999	7.00	6.50	Miễn	13.50	
5	25.04.31.0129	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	13/05/1996	6.00	5.50	Miễn	11.50	
6	25.04.31.0130	Dương Mỹ	Duyên	Nữ	23/02/1994	6.00	6.00	Miễn	12.00	
7	25.04.31.0131	Nguyễn Ngọc Thuý	Dương	Nữ	29/07/1999	5.00	5.00	Miễn	10.00	
8	25.04.31.0132	Nguyễn Tất	Đạt	Nam	16/06/1996	5.00	5.00	Miễn	10.00	
9	25.04.31.0133	Phan Hoàn	Hào	Nữ	13/09/2000	6.00	5.50	Miễn	11.50	
10	25.04.31.0134	Hà Thị Thu	Hằng	Nữ	11/10/1991	8.50	7.00	Miễn	15.50	
11	25.04.31.0135	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	15/07/2002	v	v	Miễn	0.00	
12	25.04.31.0136	Trương Thanh	Hoàng	Nam	12/01/2000	8.00	6.00	Miễn	14.00	
13	25.04.31.0137	Vũ Quang	Huy	Nam	07/12/2000	6.00	3.50	Miễn	9.50	
14	25.04.31.0138	Trần Hà Quốc	Huy	Nam	29/06/1994	5.00	6.50	Miễn	11.50	
15	25.04.31.0139	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	27/06/1979	5.50	5.00	Miễn	10.50	
16	25.04.31.0140	Nguyễn Võ Thiên	Hương	Nữ	03/01/2000	7.50	7.00	Miễn	14.50	
17	25.04.31.0141	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	19/06/2001	7.00	6.50	Miễn	13.50	
18	25.04.31.0142	Phạm Thanh Hồng	Lễ	Nam	23/06/1999	8.00	6.50	Miễn	14.50	
19	25.04.31.0143	Nguyễn Thành	Long	Nam	07/03/2000	6.00	6.00	Miễn	12.00	
20	25.04.31.0144	Huỳnh Đỗ Ngọc	Mai	Nữ	01/01/1998	6.00	5.50	Miễn	11.50	
21	25.04.31.0145	Nguyễn Công	Minh	Nam	06/06/1998	8.00	7.00	Miễn	15.00	
22	25.04.31.0146	Lữ Khánh	Minh	Nữ	16/06/2000	8.50	7.50	Miễn	16.00	
23	25.04.31.0147	Phạm Tạ Thanh	Nga	Nữ	03/07/2001	8.50	7.50	Miễn	16.00	
24	25.04.31.0148	Nguyễn Thị Thanh	Nga	Nữ	26/11/2001	8.50	5.50	Miễn	14.00	
25	25.04.31.0149	Trần Mai Thanh	Ngân	Nữ	17/11/1995	7.50	6.00	Miễn	13.50	
26	25.04.31.0150	Phạm Đa	Nguyên	Nam	01/11/2000	v	v	Miễn	0.00	
27	25.04.31.0151	Nguyễn Hạnh	Nguyên	Nữ	12/02/2001	7.00	5.50	Miễn	12.50	
28	25.04.31.0152	Trương Ánh	Nguyệt	Nữ	11/10/1999	4.00	3.00	Miễn	7.00	
29	25.04.31.0153	Nguyễn Quỳnh	Nhi	Nữ	30/05/2001	3.50	3.00	Miễn	6.50	
30	25.04.31.0154	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	13/07/2000	7.50	5.50	Miễn	13.00	
31	25.04.31.0155	Nguyễn Diễm Quỳnh	Nhi	Nữ	09/05/2000	7.00	6.00	Miễn	13.00	
32	25.04.31.0156	Đặng Phương	Nhung	Nữ	19/05/2000	v	v	Miễn	0.00	
33	25.04.31.0157	Bùi Quỳnh	Như	Nữ	17/06/2000	7.50	5.50	Miễn	13.00	
34	25.04.31.0158	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	28/08/1993	6.50	5.50	Miễn	12.00	
35	25.04.31.0159	Vũ Thị	Phương	Nữ	10/01/2000	6.00	6.00	Miễn	12.00	
36	25.04.31.0160	Ngô Tuyết	Phương	Nữ	29/01/1989	8.50	7.50	Miễn	16.00	
37	25.04.31.0161	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	16/02/1992	6.00	5.50	Miễn	11.50	
38	25.04.31.0162	Nguyễn Hoàng	Sang	Nam	13/05/1997	6.00	6.00	Miễn	12.00	
39	25.04.31.0163	Đỗ Ngọc	Thảo	Nữ	17/12/1991	7.50	7.50	Miễn	15.00	
40	25.04.31.0164	Đào Thị Anh	Thư	Nữ	28/11/1998	6.50	4.00	Miễn	10.50	
41	25.04.31.0165	Bùi Thị Thân	Thương	Nữ	14/04/1991	7.50	5.00	Miễn	12.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
42	25.04.31.0166	Huỳnh Đoan	Trang	Nữ	13/02/1993	6.50	5.50	Miễn	12.00	
43	25.04.31.0167	Nguyễn Nữ Quỳnh	Trang	Nữ	05/10/2001	7.50	5.50	Miễn	13.00	
44	25.04.31.0168	Nguyễn Thụy Thùy	Trang	Nữ	18/09/1999	5.50	5.00	Miễn	10.50	
45	25.04.31.0169	Tạ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	12/04/1995	7.50	6.00	Miễn	13.50	
46	25.04.31.0170	Nguyễn Hồng Bảo	Trân	Nữ	27/09/2001	v	v	Miễn	0.00	
47	25.04.31.0171	Nguyễn Đỗ Huyền	Trình	Nữ	12/10/2000	5.00	5.50	Miễn	10.50	
48	25.04.31.0172	Hoàng Nguyễn Cát	Tường	Nữ	10/10/2000	7.00	6.50	Miễn	13.50	
49	25.04.31.0173	Nguyễn Hà Phương	Uyên	Nữ	01/08/1999	7.50	6.50	Miễn	14.00	
50	25.04.31.0174	Võ Nguyễn Trúc	Uyên	Nữ	05/11/2002	8.50	7.00	Miễn	15.50	
51	25.04.31.0175	Nguyễn Trần Thu	Uyên	Nữ	08/8/2002	5.50	6.00	Miễn	11.50	
52	25.04.31.0176	Phạm Thuý Duy	Uyên	Nữ	08/11/1996	8.50	7.00	Miễn	15.50	
53	25.04.31.0177	Lê Thụy Quỳnh	Vân	Nữ	01/11/1994	8.50	6.00	Miễn	14.50	
54	25.04.31.0178	Ngô Đăng Tường	Vi	Nữ	04/12/1997	7.00	5.50	Miễn	12.50	
55	25.04.31.0179	Nguyễn Thành	Vinh	Nam	01/04/2000	5.50	4.00	Miễn	9.50	
56	25.04.31.0180	Nguyễn Huỳnh Anh	Vũ	Nam	04/09/2000	8.50	4.00	Miễn	12.50	
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG (46)										
1	25.04.04.0079	Lê Duy Ngọc	Anh	Nữ	12/02/1982	8.00	7.50	Miễn	15.50	
2	25.04.04.0080	Trần Thị Ngọc	Ánh	Nữ	11/11/1998	v	v	Miễn	0.00	
3	25.04.04.0081	Nguyễn Ngọc Kim	Chi	Nữ	14/02/2000	9.00	7.50	Miễn	16.50	
4	25.04.04.0082	Nguyễn Thị	Chiều	Nữ	01/02/1985	8.50	7.00	Miễn	15.50	
5	25.04.04.0083	Phạm Thị	Chinh	Nữ	01/09/1988	5.00	5.50	Miễn	10.50	
6	25.04.04.0084	Nguyễn Thị Huỳnh	Dao	Nữ	22/12/1996	7.00	5.50	Miễn	12.50	
7	25.04.04.0085	Phạm Thị Cẩm	Duyên	Nữ	28/11/1983	9.00	8.50	Miễn	17.50	
8	25.04.04.0086	Tổng Thành	Đăng	Nam	27/02/1999	8.50	6.50	Miễn	15.00	
9	25.04.04.0087	Vũ Thuýn	Hào	Nữ	03/01/1998	8.50	6.00	Miễn	14.50	
10	25.04.04.0088	Nguyễn Đoàn Hồng	Hạnh	Nữ	28/09/1999	8.00	6.00	Miễn	14.00	
11	25.04.04.0089	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	Nữ	07/07/2002	8.00	6.50	Miễn	14.50	
12	25.04.04.0090	Nguyễn Thị Kim	Hằng	Nữ	21/12/1990	7.00	6.50	Miễn	13.50	
13	25.04.04.0091	Vũ Thanh	Hiền	Nữ	06/05/1998	7.50	6.50	Miễn	14.00	
14	25.04.04.0092	Vũ Thị Ánh	Hoài	Nữ	02/02/2001	7.50	6.50	Miễn	14.00	
15	25.04.04.0093	Hoàng Mỹ	Huyền	Nữ	05/11/2000	5.00	4.00	Miễn	9.00	
16	25.04.04.0094	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	08/10/1995	8.50	7.50	Miễn	16.00	
17	25.04.04.0095	Nguyễn Thị Yến	Hương	Nữ	05/09/1990	7.50	5.50	Miễn	13.00	
18	25.04.04.0096	Nguyễn Thị Hồng	Liên	Nữ	13/08/1987	7.00	8.00	Miễn	15.00	
19	25.04.04.0097	Nguyễn Thị	Liễu	Nữ	20/05/1989	7.50	7.00	Miễn	14.50	
20	25.04.04.0098	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	17/09/1991	7.00	5.00	Miễn	12.00	
21	25.04.04.0099	Trần Huệ	Linh	Nữ	29/11/2003	7.00	6.00	Miễn	13.00	
22	25.04.04.0100	Nguyễn Phương	Loan	Nữ	14/05/1991	v	v	Miễn	0.00	
23	25.04.04.0101	Phan Thị	Loan	Nữ	26/07/1990	5.00	7.50	Miễn	12.50	
24	25.04.04.0102	Nguyễn Tuấn	Long	Nam	27/11/1988	7.00	6.00	Miễn	13.00	
25	25.04.04.0103	Nguyễn Nhật Vũ	Long	Nam	14/03/2001	4.00	4.00	Miễn	8.00	
26	25.04.04.0104	Nguyễn Trà	Mi	Nữ	10/05/2002	6.50	6.50	Miễn	13.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
27	25.04.04.0105	Lê Lâm Hà	My	Nữ	10/02/1998	7.50	6.00	Miễn	13.50	
28	25.04.04.0106	Nguyễn Thị	Na	Nữ	12/06/1990	6.50	6.50	Miễn	13.00	
29	25.04.04.0107	Thới Đào Ngọc	Nga	Nữ	19/11/1996	7.50	7.00	Miễn	14.50	
30	25.04.04.0108	Trần Thị Hằng	Nga	Nữ	16/03/2000	6.50	6.00	Miễn	12.50	
31	25.04.04.0109	Thái Thị Tuyết	Ngân	Nữ	25/06/1998	7.50	6.50	Miễn	14.00	
32	25.04.04.0110	Nguyễn Võ Hoàng	Phúc	Nam	23/12/2000	9.00	8.00	Miễn	17.00	
33	25.04.04.0111	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	07/11/2002	7.50	7.00	Miễn	14.50	
34	25.04.04.0112	Vũ Thị Hà	Phương	Nữ	02/07/1988	5.50	6.00	Miễn	11.50	
35	25.04.04.0113	Huỳnh Thị Thanh	Phượng	Nữ	09/12/1990	6.50	6.00	Miễn	12.50	
36	25.04.04.0114	Nguyễn Đình	Thành	Nam	20/08/1991	7.50	7.50	Miễn	15.00	
37	25.04.04.0115	Nguyễn Hoàng Phương	Thào	Nữ	27/02/1997	6.50	6.50	Miễn	13.00	
38	25.04.04.0116	Nguyễn Trương Hoài	Thương	Nữ	17/04/1999	8.50	7.00	Miễn	15.50	
39	25.04.04.0117	Hồ Nguyễn Ngọc	Trần	Nữ	12/01/2001	6.50	6.50	Miễn	13.00	
40	25.04.04.0118	Ngô Thủy	Trinh	Nữ	08/03/1996	5.00	5.50	Miễn	10.50	
41	25.04.04.0119	Trần Thị Thảo	Trinh	Nữ	10/6/1993	4.00	6.00	Miễn	10.00	
42	25.04.04.0120	Phạm Thị Ý	Trinh	Nữ	22/11/1995	6.00	6.00	Miễn	12.00	
43	25.04.04.0121	Lê Đoàn Phương	Uyên	Nữ	09/02/2002	8.00	7.50	Miễn	15.50	
44	25.04.04.0122	Trần Ngọc Thảo	Vy	Nữ	04/11/1997	6.50	7.00	Miễn	13.50	
45	25.04.04.0123	Nguyễn Thị Tường	Vy	Nữ	08/06/2001	4.00	6.00	Miễn	10.00	
46	25.04.04.0124	Bùi Thị Thảo	Vy	Nữ	20/12/1998	8.50	7.50	Miễn	16.00	
NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU (2)										
1	25.04.24.0181	Lê Võ Hoài	Nam	Nam	13/11/1999	7.00	7.50	Miễn	14.50	
2	25.04.24.0182	Trương Phạm Quỳnh	Nhi	Nữ	19/11/2000	9.00	9.00	Miễn	18.00	
NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - GIẢI PHẪU BỆNH (2)										
1	25.04.25.0183	Ngô Mỹ	Nhi	Nữ	03/09/1999	8.00	7.50	Miễn	15.50	
2	25.04.25.0184	Võ Thị Ngọc	Nhiên	Nữ	20/09/1996	6.00	5.00	Miễn	11.00	
NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - SINH LÝ (1)										
1	25.04.30.0185	Đỗ Hoàng	Minh	Nam	19/05/1999	5.50	5.00	Miễn	10.50	
NGÀNH: KHOA HỌC Y SINH - VI SINH (1)										
1	25.04.29.0186	Võ Phước	Thịnh	Nam	26/11/2000	9.50	7.00	Miễn	16.50	
NGÀNH: NỘI KHOA (CHUYÊN NGÀNH DA LIỄU) (65)										
1	25.04.35.0322	Trần Thanh	An	Nữ	16/02/1999	v	v	Miễn	0.00	
2	25.04.35.0323	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	22/05/1993	v	v	Miễn	0.00	
3	25.04.35.0324	Đỗ Ngọc Quế	Anh	Nữ	28/11/2000	9.50	5.00	Miễn	14.50	
4	25.04.35.0325	Trần Ngọc Lan	Anh	Nữ	22/10/2000	8.00	5.50	Miễn	13.50	
5	25.04.35.0326	Võ Trần Châu	Anh	Nữ	12/11/1999	7.50	5.50	Miễn	13.00	
6	25.04.35.0327	Nguyễn Hồng Phương	Anh	Nữ	23/11/1999	v	v	Miễn	0.00	
7	25.04.35.0328	Nguyễn Thị	Bích	Nữ	24/02/1998	v	v	Miễn	0.00	
8	25.04.35.0329	Nguyễn Thị Minh	Châu	Nữ	12/10/2001	9.00	5.50	Miễn	14.50	
9	25.04.35.0330	Lê Nguyễn Hồng	Châu	Nữ	28/09/1999	9.00	5.50	Miễn	14.50	
10	25.04.35.0331	Nguyễn Việt	Cường	Nam	24/02/2001	9.00	6.00	Miễn	15.00	
11	25.04.35.0332	Nguyễn Bảo	Danh	Nam	05/02/1999	v	v	Miễn	0.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
12	25.04.35.0333	Nguyễn Vương Thanh	Duy	Nam	05/08/1997	6.50	5.50	Miễn	12.00	
13	25.04.35.0334	Trần Thị Thuỳ	Dương	Nữ	17/05/1997	v	v	Miễn	0.00	
14	25.04.35.0335	Trần Nhị Vân	Đàm	Nữ	06/09/1989	v	v	Miễn	0.00	
15	25.04.35.0336	Võ Thùy Vê	Giang	Nữ	08/11/2000	9.50	5.50	Miễn	15.00	
16	25.04.35.0337	Nguyễn Thị Minh	Giang	Nữ	05/06/2001	9.50	6.00	Miễn	15.50	
17	25.04.35.0338	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	02/03/1998	8.50	6.00	Miễn	14.50	
18	25.04.35.0339	Lý Thị Mỹ	Hào	Nữ	26/05/1999	6.50	4.00	Miễn	10.50	
19	25.04.35.0340	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Nữ	15/04/2000	6.50	4.00	Miễn	10.50	
20	25.04.35.0341	Nguyễn Trần Thế	Hệ	Nam	10/06/1995	v	v	Miễn	0.00	
21	25.04.35.0342	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	16/08/1999	v	v	Miễn	0.00	
22	25.04.35.0343	Thái Khánh	Huyền	Nữ	22/07/1999	7.00	4.00	Miễn	11.00	
23	25.04.35.0344	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	20/01/1999	9.00	5.00	Miễn	14.00	
24	25.04.35.0345	Trần Phi	Hùng	Nam	01/09/1999	5.00	v	Miễn	5.00	
25	25.04.35.0346	Lê Ngọc	Khương	Nữ	15/02/1999	8.50	5.00	Miễn	13.50	
26	25.04.35.0347	Nguyễn Thị Thu	Lam	Nữ	12/10/1983	v	v	Miễn	0.00	
27	25.04.35.0348	Lê Thị	Linh	Nữ	10/07/1992	v	v	Miễn	0.00	
28	25.04.35.0349	Bùi Thị	Linh	Nữ	16/12/2000	7.00	4.00	Miễn	11.00	
29	25.04.35.0350	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	02/11/1998	8.50	6.00	Miễn	14.50	
30	25.04.35.0351	Vương Bảo	Long	Nam	04/01/1994	6.50	4.00	Miễn	10.50	
31	25.04.35.0352	Huỳnh Kim Vạn	Lượng	Nữ	22/09/2000	5.00	4.00	Miễn	9.00	
32	25.04.35.0353	Lò Thị Trúc	Ly	Nữ	18/03/2001	v	v	Miễn	0.00	+1CS
33	25.04.35.0354	Trần Gia	Mỹ	Nữ	28/02/2000	v	v	Miễn	0.00	
34	25.04.35.0355	Lê Trần Hậu Ti	Na	Nữ	28/06/1999	7.50	5.00	Miễn	12.50	
35	25.04.35.0356	Cao Thị Thanh	Nga	Nữ	18/10/1994	6.50	3.00	Miễn	9.50	
36	25.04.35.0357	Đỗ Nguyễn Quỳnh	Ngân	Nữ	22/08/2001	9.50	6.00	Miễn	15.50	
37	25.04.35.0358	Hoàng Đức	Nghĩa	Nam	23/12/2000	9.50	7.00	Miễn	16.50	
38	25.04.35.0359	Phạm Quỳnh	Ngọc	Nữ	11/04/2000	9.50	5.50	Miễn	15.00	
39	25.04.35.0360	Dương Trịnh Ánh	Ngọc	Nữ	27/08/2000	8.00	5.00	Miễn	13.00	
40	25.04.35.0361	Lê Trần Ánh	Ngọc	Nữ	17/01/1999	7.50	3.50	Miễn	11.00	
41	25.04.35.0362	La Hồng	Ngọc	Nữ	17/07/1994	9.50	5.50	Miễn	15.00	
42	25.04.35.0363	Bùi Hồng Thảo	Nguyên	Nữ	04/03/2001	8.50	6.50	Miễn	15.00	
43	25.04.35.0364	Lê Võ Diệu	Nhân	Nữ	21/04/2001	8.50	5.00	Miễn	13.50	
44	25.04.35.0365	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	Nữ	17/08/2001	9.50	6.50	Miễn	16.00	
45	25.04.35.0366	Thái Trường Châu	Niê	Nữ	14/07/2000	v	v	Miễn	0.00	
46	25.04.35.0367	Vũ Phi	Phi	Nữ	01/10/1998	9.00	6.00	Miễn	15.00	
47	25.04.35.0368	Trần Hồ Minh	Phuong	Nữ	11/03/1999	8.50	4.00	Miễn	12.50	
48	25.04.35.0369	Lâm Mai	Phuong	Nữ	30/04/1996	6.00	3.50	Miễn	9.50	
49	25.04.35.0370	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	28/09/1999	9.00	5.50	Miễn	14.50	
50	25.04.35.0371	Vương Quốc	Thắng	Nam	23/06/1999	v	v	Miễn	0.00	
51	25.04.35.0372	Lê Quang	Thịnh	Nam	30/09/1994	6.50	4.00	Miễn	10.50	
52	25.04.35.0373	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	26/04/1995	9.50	6.00	Miễn	15.50	
53	25.04.35.0374	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	05/07/1997	v	v	Miễn	0.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
54	25.04.35.0375	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	10/03/2000	v	v	Miễn	0.00	
55	25.04.35.0376	Đoàn Ngọc	Trâm	Nữ	09/04/1999	7.00	4.00	Miễn	11.00	
56	25.04.35.0377	Nguyễn Thụy Ngọc	Trâm	Nữ	23/09/1980	v	v	Miễn	0.00	
57	25.04.35.0378	Trần Lê Ngọc	Trâm	Nữ	08/06/1999	10.00	7.00	Miễn	17.00	
58	25.04.35.0379	Lâm Tú	Trân	Nữ	04/10/2000	v	v	Miễn	0.00	
59	25.04.35.0380	Đinh Huỳnh	Trình	Nữ	22/12/2000	8.50	5.50	Miễn	14.00	
60	25.04.35.0381	Đỗ Hồng	Trình	Nữ	31/08/1998	9.00	5.50	Miễn	14.50	
61	25.04.35.0382	Huỳnh Minh	Trí	Nam	27/12/2000	9.50	7.00	Miễn	16.50	
62	25.04.35.0383	Lê Bảo	Tuyên	Nam	09/08/2001	v	v	Miễn	0.00	
63	25.04.35.0384	Lê Ngọc Hải	Vân	Nữ	09/01/2000	9.00	5.50	Miễn	14.50	
64	25.04.35.0385	Trần Phạm Thanh	Vi	Nữ	21/12/1999	7.50	5.50	Miễn	13.00	
65	25.04.35.0386	Lê Thị Nhựt	Vy	Nữ	02/09/2000	9.50	6.50	Miễn	16.00	
NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT (202)										
1	25.04.10.0387	Huỳnh Hoàng	An	Nam	15/03/1984	7.50	4.00	Miễn	11.50	
2	25.04.10.0388	Nguyễn Tấn	An	Nam	08/07/1997	8.00	6.00	Miễn	14.00	
3	25.04.10.0389	Lê	An	Nam	28/12/1996	9.50	6.00	Miễn	15.50	
4	25.04.10.0390	Nguyễn Trường	An	Nam	16/08/1996	8.50	4.00	Miễn	12.50	
5	25.04.10.0391	Thái Quỳnh	Anh	Nữ	13/01/1998	4.00	4.00	Miễn	8.00	
6	25.04.10.0392	Mai Hoàng	Anh	Nam	05/11/2000	9.50	6.50	Miễn	16.00	
7	25.04.10.0393	Lê Vân	Anh	Nữ	14/10/2001	9.00	6.50	Miễn	15.50	
8	25.04.10.0394	Dương Trâm	Anh	Nữ	12/04/1992	7.50	4.00	Miễn	11.50	
9	25.04.10.0395	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	22/02/2001	9.50	5.50	Miễn	15.00	
10	25.04.10.0396	Trịnh Châu	Anh	Nữ	15/09/1998	7.00	5.50	Miễn	12.50	
11	25.04.10.0397	Phạm Ngọc Vân	Anh	Nữ	28/11/2000	7.50	5.00	Miễn	12.50	
12	25.04.10.0398	Hà Thị Duyên	Anh	Nữ	04/11/1998	8.50	v	Miễn	8.50	
13	25.04.10.0399	Tăng Xuân	Bách	Nam	18/11/1995	8.00	5.50	Miễn	13.50	
14	25.04.10.0400	Đoàn Việt	Bắc	Nam	09/09/1997	v	v	Miễn	0.00	
15	25.04.10.0401	Nguyễn Đức	Biên	Nam	27/06/1998	8.00	5.00	Miễn	13.00	
16	25.04.10.0402	Trần Văn	Biểu	Nam	19/09/1988	9.00	5.00	Miễn	14.00	
17	25.04.10.0403	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	28/09/1999	9.00	6.00	Miễn	15.00	
18	25.04.10.0404	Trương Ngọc	Châu	Nữ	02/09/1997	v	v	Miễn	0.00	
19	25.04.10.0405	Huỳnh Kim	Chi	Nữ	24/08/2000	9.00	6.00	Miễn	15.00	
20	25.04.10.0406	Lê Minh	Chiến	Nam	11/07/2000	9.00	5.00	Miễn	14.00	
21	25.04.10.0407	Bùi Chí	Công	Nam	05/05/1999	8.00	6.00	Miễn	14.00	
22	25.04.10.0408	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	09/08/1996	7.50	5.50	Miễn	13.00	
23	25.04.10.0409	Phạm Công	Danh	Nam	30/03/1998	8.00	5.00	Miễn	13.00	
24	25.04.10.0410	Trần Hữu	Danh	Nam	03/12/1996	v	v	Miễn	0.00	
25	25.04.10.0411	Nông Thị Phương	Diệu	Nữ	06/02/1999	5.50	4.00	Miễn	9.50	
26	25.04.10.0412	Hà Phương	Dung	Nữ	07/07/2001	9.50	7.00	Miễn	16.50	
27	25.04.10.0413	Thái Trúc	Duy	Nữ	10/01/1994	8.50	6.00	Miễn	14.50	
28	25.04.10.0414	Nguyễn Chi Mỹ	Duyên	Nữ	08/09/1999	9.50	5.50	Miễn	15.00	
29	25.04.10.0415	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	24/06/1998	9.50	6.50	Miễn	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
30	25.04.10.0416	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	Nữ	17/11/2000	8.50	7.00	Miễn	15.50	
31	25.04.10.0417	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	20/07/1991	9.50	7.00	Miễn	16.50	
32	25.04.10.0418	Trần Đức	Dương	Nam	12/11/1999	9.50	6.50	Miễn	16.00	
33	25.04.10.0419	Đặng Thái	Dương	Nam	17/07/1999	9.50	7.00	Miễn	16.50	
34	25.04.10.0420	Văng Minh Trúc	Đào	Nữ	06/05/1999	9.50	5.00	Miễn	14.50	
35	25.04.10.0421	Phan Thị Kim	Đào	Nữ	12/09/2000	9.00	6.00	Miễn	15.00	
36	25.04.10.0422	Nguyễn Hữu	Đại	Nam	16/08/2000	9.50	5.00	Miễn	14.50	
37	25.04.10.0423	Lê Hoàng Hải	Đặng	Nam	05/09/2001	6.00	4.00	Miễn	10.00	
38	25.04.10.0424	Phạm Phước	Điện	Nam	07/04/2000	9.00	6.00	Miễn	15.00	
39	25.04.10.0425	Phạm Ngọc	Đồng	Nam	06/09/1979	6.50	6.00	Miễn	12.50	
40	25.04.10.0426	Huỳnh Như	Đợi	Nam	02/01/1996	v	v	Miễn	0.00	
41	25.04.10.0427	Trần Minh	Đường	Nam	25/11/1999	9.50	6.00	Miễn	15.50	
42	25.04.10.0428	Huỳnh Hữu	Đức	Nam	27/09/1999	8.00	3.50	Miễn	11.50	
43	25.04.10.0429	Nguyễn Huỳnh Thiên	Hà	Nữ	27/08/2001	9.00	5.50	Miễn	14.50	
44	25.04.10.0430	Đinh Thị Ngọc	Hà	Nữ	18/09/2000	5.50	4.00	Miễn	9.50	
45	25.04.10.0431	Nguyễn Thị	Hạ	Nữ	05/02/1998	v	v	Miễn	0.00	
46	25.04.10.0432	Phạm Thị Phụng	Hằng	Nữ	29/02/1996	8.50	6.00	Miễn	14.50	
47	25.04.10.0433	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	01/01/1997	v	v	Miễn	0.00	
48	25.04.10.0434	Mai Đình	Hậu	Nam	31/01/1998	8.00	5.00	Miễn	13.00	
49	25.04.10.0435	Thạch Thanh	Hiền	Nam	27/12/1998	9.50	6.50	Miễn	16.00	
50	25.04.10.0436	Trần Đức	Hiền	Nam	22/04/1999	9.50	6.50	Miễn	16.00	
51	25.04.10.0437	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	07/06/1999	8.50	5.50	Miễn	14.00	
52	25.04.10.0438	Đặng Kim Nhật	Hoa	Nữ	13/07/2000	5.50	4.00	Miễn	9.50	
53	25.04.10.0439	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	27/09/2000	9.50	6.50	Miễn	16.00	
54	25.04.10.0440	Hứa Thanh	Hòa	Nam	07/01/2000	9.00	6.00	Miễn	15.00	
55	25.04.10.0441	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	16/08/2000	7.50	5.00	Miễn	12.50	
56	25.04.10.0442	Nguyễn Đức	Huy	Nam	22/02/1999	9.00	5.00	Miễn	14.00	
57	25.04.10.0443	Hoàng Đức	Huy	Nam	25/09/1999	9.00	6.50	Miễn	15.50	
58	25.04.10.0444	Nguyễn Tấn Sinh	Huy	Nam	14/01/1999	9.00	6.00	Miễn	15.00	
59	25.04.10.0445	Đỗ Thị Xuân	Huỳnh	Nữ	24/12/2000	9.50	5.00	Miễn	14.50	
60	25.04.10.0446	Lê Quốc	Hưng	Nam	29/06/2000	5.50	5.00	Miễn	10.50	
61	25.04.10.0447	Hồng Minh	Khang	Nam	09/07/2001	9.00	5.50	Miễn	14.50	
62	25.04.10.0448	Huỳnh An	Khang	Nam	16/09/1995	9.00	7.00	Miễn	16.00	
63	25.04.10.0449	Vương Văn	Khải	Nam	10/10/2000	6.50	4.00	Miễn	10.50	
64	25.04.10.0450	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	04/05/1996	9.50	6.50	Miễn	16.00	
65	25.04.10.0451	Nguyễn Gia	Khánh	Nam	06/11/2001	7.50	5.50	Miễn	13.00	
66	25.04.10.0452	Đặng Hồ Nhật	Khiêm	Nam	26/06/1998	9.00	5.50	Miễn	14.50	
67	25.04.10.0453	Đinh Toàn	Khoa	Nam	27/07/2000	9.00	6.00	Miễn	15.00	
68	25.04.10.0454	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	Nam	31/10/2000	9.50	5.50	Miễn	15.00	
69	25.04.10.0455	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	12/12/1996	9.50	7.00	Miễn	16.50	
70	25.04.10.0456	Đỗ Tuấn	Kiệt	Nam	13/03/1995	8.50	6.00	Miễn	14.50	
71	25.04.10.0457	Phạm Phương	Linh	Nữ	20/12/1996	8.00	6.00	Miễn	14.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
72	25.04.10.0458	Trần Vũ	Linh	Nam	28/02/1995	9.00	6.00	Miễn	15.00	
73	25.04.10.0459	Huỳnh Phạm Khánh	Linh	Nữ	07/06/2000	v	v	Miễn	0.00	
74	25.04.10.0460	Hồ Mỗ Thảo	Linh	Nữ	01/01/2000	10.00	6.00	Miễn	16.00	+1CS
75	25.04.10.0461	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	19/10/1996	v	v	Miễn	0.00	
76	25.04.10.0462	Văn Hải	Long	Nam	27/04/1995	9.50	7.50	Miễn	17.00	
77	25.04.10.0463	Nguyễn Thành	Luân	Nam	06/04/2000	v	v	Miễn	0.00	
78	25.04.10.0464	Nguyễn Hồ Thy	Mai	Nữ	04/01/1998	9.50	6.50	Miễn	16.00	
79	25.04.10.0465	Phan Trúc	Mai	Nữ	08/02/2000	8.00	5.50	Miễn	13.50	
80	25.04.10.0466	Phạm Nhật	Minh	Nữ	01/03/2000	8.50	5.00	Miễn	13.50	
81	25.04.10.0467	Trần Bá Nhật	Minh	Nam	22/10/1997	9.00	5.00	Miễn	14.00	
82	25.04.10.0468	Nguyễn Tiến	Minh	Nam	28/03/2000	9.00	5.00	Miễn	14.00	
83	25.04.10.0469	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	09/12/2000	8.50	6.50	Miễn	15.00	
84	25.04.10.0470	Nguyễn Hoàng Trà	My	Nữ	10/04/1999	9.00	6.50	Miễn	15.50	
85	25.04.10.0471	Ngô Kiều Diễm	My	Nữ	22/08/2000	9.50	6.00	Miễn	15.50	
86	25.04.10.0472	Phạm Thị Diễm	My	Nữ	10/02/1997	9.00	6.00	Miễn	15.00	
87	25.04.10.0473	Huỳnh Phạm Hoàng	Nam	Nam	19/06/1997	8.50	5.00	Miễn	13.50	
88	25.04.10.0474	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	Nam	05/06/1998	9.50	6.50	Miễn	16.00	
89	25.04.10.0475	Lê Thị Phương	Nga	Nữ	08/09/1998	10.00	5.50	Miễn	15.50	+1CS
90	25.04.10.0476	Phan Thanh	Ngân	Nữ	03/08/1999	9.50	6.50	Miễn	16.00	
91	25.04.10.0477	Phan Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	24/12/2001	6.00	5.00	Miễn	11.00	
92	25.04.10.0478	Nguyễn Quý Trung	Nguyên	Nam	15/12/1993	9.50	5.00	Miễn	14.50	
93	25.04.10.0479	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	23/07/2001	9.50	6.50	Miễn	16.00	
94	25.04.10.0480	Ngô Minh	Nhật	Nam	20/10/1997	9.50	6.50	Miễn	16.00	
95	25.04.10.0481	Nguyễn Thị Khánh	Nhi	Nữ	04/04/1997	v	v	Miễn	0.00	
96	25.04.10.0482	Đặng Thy	Nhi	Nữ	29/08/1999	7.00	5.00	Miễn	12.00	
97	25.04.10.0483	Võ Tuyết	Nhi	Nữ	01/07/2001	9.00	5.00	Miễn	14.00	
98	25.04.10.0484	Nguyễn Trần Phương	Nhi	Nữ	05/10/1998	8.50	4.00	Miễn	12.50	
99	25.04.10.0485	Phạm Thị	Nhi	Nữ	10/12/1991	6.00	4.00	Miễn	10.00	
100	25.04.10.0486	Lý Thị Huỳnh	Nhung	Nữ	31/03/1996	v	v	Miễn	0.00	
101	25.04.10.0487	Lê Thị Ngọc	Nhung	Nữ	12/10/1997	7.00	5.00	Miễn	12.00	
102	25.04.10.0488	Lê Thị Quỳnh	Như	Nữ	29/07/2000	9.50	6.50	Miễn	16.00	
103	25.04.10.0489	Huỳnh	Như	Nữ	08/02/1995	7.50	6.50	Miễn	14.00	
104	25.04.10.0490	Ngô Tịnh	Như	Nữ	21/03/2000	9.50	5.50	Miễn	15.00	
105	25.04.10.0491	Huỳnh	Như	Nữ	16/04/1997	v	v	Miễn	0.00	
106	25.04.10.0492	Nguyễn Nhật Quỳnh	Như	Nữ	23/02/2000	9.50	5.50	Miễn	15.00	
107	25.04.10.0493	Trần Thị Quỳnh	Như	Nữ	24/08/2000	9.50	5.50	Miễn	15.00	
108	25.04.10.0494	Huỳnh Minh	Nhựt	Nam	24/07/1997	9.00	4.00	0.00	13.00	
109	25.04.10.0495	Trần Văn	Niên	Nam	03/08/1989	7.50	4.00	Miễn	11.50	
110	25.04.10.0496	Cao Văn	Phát	Nam	25/03/1997	6.50	4.00	Miễn	10.50	
111	25.04.10.0497	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	01/12/2001	5.00	5.00	Miễn	10.00	
112	25.04.10.0498	Cao Quốc	Phong	Nam	18/06/2001	6.50	4.00	Miễn	10.50	
113	25.04.10.0499	Phạm Thanh	Phong	Nam	19/07/1999	9.50	6.50	Miễn	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
114	25.04.10.0500	Lê Thanh	Phong	Nam	04/04/1997	v	v	Miễn	0.00	
115	25.04.10.0501	Đoàn Thiên	Phú	Nam	16/06/2000	9.00	5.50	Miễn	14.50	
116	25.04.10.0502	Nguyễn Phong	Phú	Nam	18/08/1994	9.00	6.00	Miễn	15.00	
117	25.04.10.0503	Nguyễn Văn Bảo	Phúc	Nam	13/03/2000	9.50	6.50	Miễn	16.00	
118	25.04.10.0504	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	17/08/1995	9.50	7.00	Miễn	16.50	
119	25.04.10.0505	Hoàng Hữu	Phương	Nam	07/10/1997	9.50	6.50	Miễn	16.00	
120	25.04.10.0506	Bùi Thị Minh	Phương	Nữ	14/07/1999	9.00	6.00	Miễn	15.00	
121	25.04.10.0507	Lê Trúc	Phương	Nữ	16/10/2000	7.50	4.00	Miễn	11.50	
122	25.04.10.0508	Võ Hồng Lan	Phương	Nữ	15/07/1998	8.50	7.00	Miễn	15.50	
123	25.04.10.0509	Nguyễn Hoàng Nguyên	Phương	Nữ	08/4/1998	8.00	6.00	Miễn	14.00	
124	25.04.10.0510	Huỳnh Nguyễn Trúc	Phương	Nữ	30/05/2000	8.50	6.50	Miễn	15.00	
125	25.04.10.0511	Võ Lê Huyền	Phương	Nữ	12/01/1999	8.00	5.50	Miễn	13.50	
126	25.04.10.0512	Nguyễn Trần	Quang	Nam	18/02/1999	9.50	6.50	Miễn	16.00	
127	25.04.10.0513	Lương Nhựt	Quân	Nam	19/11/1997	10.00	5.50	Miễn	15.50	
128	25.04.10.0514	Huỳnh Minh	Quân	Nam	25/10/1998	7.50	5.00	Miễn	12.50	
129	25.04.10.0515	Lê Thị Nguyệt	Quế	Nữ	31/3/2000	9.00	5.50	Miễn	14.50	
130	25.04.10.0516	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	28/06/1997	v	v	Miễn	0.00	
131	25.04.10.0517	Lê Thị Trúc	Quỳnh	Nữ	13/11/1999	v	v	Miễn	0.00	
132	25.04.10.0518	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	13/06/1996	8.00	6.00	Miễn	14.00	
133	25.04.10.0519	Nguyễn Văn	Sang	Nam	04/01/2000	9.00	6.50	Miễn	15.50	
134	25.04.10.0520	Nguyễn Trọng	Son	Nam	26/10/2001	8.50	5.00	Miễn	13.50	
135	25.04.10.0521	Trần Hà Anh	Son	Nam	27/11/1997	9.50	7.00	Miễn	16.50	
136	25.04.10.0522	Võ Thế	Tài	Nam	02/07/1999	v	v	Miễn	0.00	
137	25.04.10.0523	Lương Nguyễn Thiện	Tâm	Nữ	15/06/1997	9.00	6.00	Miễn	15.00	
138	25.04.10.0524	Nguyễn Sỹ Thành	Tâm	Nam	30/05/2001	8.50	6.00	Miễn	14.50	
139	25.04.10.0525	Hoàng Minh	Tâm	Nam	23/09/1997	v	v	Miễn	0.00	
140	25.04.10.0526	Võ Thành	Tân	Nam	24/05/1997	9.00	6.00	Miễn	15.00	
141	25.04.10.0527	Nguyễn Thái	Thành	Nam	12/05/2000	8.50	4.00	Miễn	12.50	
142	25.04.10.0528	Lê Minh	Thành	Nam	27/06/1999	v	v	Miễn	0.00	
143	25.04.10.0529	Nguyễn Tiến	Thành	Nam	02/05/2000	8.00	6.00	Miễn	14.00	
144	25.04.10.0530	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	02/08/1996	9.50	6.00	Miễn	15.50	
145	25.04.10.0531	Đỗ Bích	Thảo	Nữ	12/10/1999	v	v	Miễn	0.00	
146	25.04.10.0532	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	19/9/1997	6.50	5.00	Miễn	11.50	
147	25.04.10.0533	Nguyễn Thị Thiên	Thảo	Nữ	30/09/1998	9.50	6.00	Miễn	15.50	
148	25.04.10.0534	Phạm Thị Hồng	Thắm	Nữ	27/10/1996	v	v	Miễn	0.00	
149	25.04.10.0535	Trương Quang	Thắng	Nam	20/08/2000	9.50	6.50	Miễn	16.00	
150	25.04.10.0536	Huỳnh Việt	Thắng	Nam	20/11/1999	8.00	5.00	Miễn	13.00	
151	25.04.10.0537	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	14/02/1998	9.50	6.50	Miễn	16.00	
152	25.04.10.0538	Hoàng Quốc	Thịnh	Nam	13/05/2000	v	v	Miễn	0.00	
153	25.04.10.0539	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	08/11/1999	8.50	6.00	Miễn	14.50	
154	25.04.10.0540	Lê Hữu	Thịnh	Nam	27/05/1996	v	v	Miễn	0.00	
155	25.04.10.0541	Lê Trường	Thọ	Nam	22/08/1990	8.50	6.50	Miễn	15.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
156	25.04.10.0542	Nguyễn Đức	Thông	Nam	07/02/1999	8.50	6.00	Miễn	14.50	
157	25.04.10.0543	Nguyễn Chí	Thông	Nam	15/06/1998	9.50	7.00	Miễn	16.50	
158	25.04.10.0544	Trương Đình	Thuyết	Nam	05/11/1998	10.00	6.00	Miễn	16.00	
159	25.04.10.0545	Trần Nữ	Thùy	Nữ	22/02/1993	8.00	6.00	Miễn	14.00	
160	25.04.10.0546	Nguyễn Thị Diệu	Thùy	Nữ	17/09/2000	9.50	6.00	Miễn	15.50	
161	25.04.10.0547	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	30/06/1996	9.00	6.50	Miễn	15.50	
162	25.04.10.0548	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	15/12/1999	8.00	5.00	Miễn	13.00	
163	25.04.10.0549	Trần Đoàn Anh	Thư	Nữ	11/10/2000	7.50	5.00	Miễn	12.50	
164	25.04.10.0550	Trương Minh	Thư	Nữ	16/09/1993	8.00	6.00	Miễn	14.00	
165	25.04.10.0551	Lâm Minh	Thư	Nữ	30/11/1998	9.50	6.50	Miễn	16.00	
166	25.04.10.0552	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	Nữ	22/10/1999	9.00	5.50	Miễn	14.50	
167	25.04.10.0553	Dương Thị Minh	Thư	Nữ	25/09/1999	8.50	5.00	Miễn	13.50	
168	25.04.10.0554	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	17/04/2000	8.50	6.00	Miễn	14.50	
169	25.04.10.0555	Nguyễn Bùi Minh	Thư	Nữ	13/08/1998	9.50	6.50	Miễn	16.00	
170	25.04.10.0556	Nguyễn Thị Minh	Thường	Nữ	02/07/1996	9.50	7.00	Miễn	16.50	
171	25.04.10.0557	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	01/01/1998	8.50	5.00	Miễn	13.50	
172	25.04.10.0558	Văn Thị Mỹ	Tiên	Nữ	09/04/1999	9.00	6.00	Miễn	15.00	
173	25.04.10.0559	Phạm Minh	Tiến	Nam	14/07/1999	9.00	5.00	Miễn	14.00	
174	25.04.10.0560	Võ Việt	Tiến	Nam	30/01/1995	9.00	5.50	Miễn	14.50	
175	25.04.10.0561	Nguyễn Bảo	Toàn	Nam	01/01/2000	9.00	5.50	Miễn	14.50	
176	25.04.10.0562	Nguyễn Bình Phương	Trân	Nữ	29/09/1999	9.00	5.00	Miễn	14.00	
177	25.04.10.0563	Trương Lê Bích	Trân	Nữ	23/04/1995	9.50	6.50	Miễn	16.00	
178	25.04.10.0564	Lê Nguyễn Thảo	Trân	Nữ	02/07/1999	9.00	6.50	Miễn	15.50	
179	25.04.10.0565	Nguyễn Tú	Trình	Nữ	15/12/1998	4.00	4.00	Miễn	8.00	
180	25.04.10.0566	Bùi Vũ Phúc	Trí	Nam	20/08/2000	8.00	4.00	Miễn	12.00	
181	25.04.10.0567	Huỳnh Minh	Trí	Nam	15/12/1993	9.50	7.00	Miễn	16.50	
182	25.04.10.0568	Đình Nguyễn Quốc	Trí	Nam	27/01/1998	8.00	6.50	Miễn	14.50	
183	25.04.10.0569	Võ Minh	Trí	Nam	30/11/1996	9.50	6.50	Miễn	16.00	
184	25.04.10.0570	Huỳnh Ngô Minh	Trí	Nam	28/11/2000	6.00	4.00	Miễn	10.00	
185	25.04.10.0571	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	04/09/1997	8.00	5.50	Miễn	13.50	
186	25.04.10.0572	Lê Minh	Tuệ	Nam	08/02/2001	8.50	6.50	Miễn	15.00	
187	25.04.10.0573	Lê Võ Thanh	Tùng	Nam	17/06/2000	9.50	5.50	Miễn	15.00	
188	25.04.10.0574	Võ Hoàng	Tú	Nam	22/12/1996	8.50	6.00	Miễn	14.50	
189	25.04.10.0575	Trần Phú	Túc	Nam	06/06/1994	8.50	5.50	Miễn	14.00	
190	25.04.10.0576	Nguyễn Thị Hạnh	Uyên	Nữ	01/03/1986	9.00	5.50	Miễn	14.50	
191	25.04.10.0577	Trần Thị Tố	Uyên	Nữ	16/04/1995	9.00	6.00	Miễn	15.00	
192	25.04.10.0578	Phạm Tố	Uyên	Nữ	27/01/1994	8.50	5.00	Miễn	13.50	
193	25.04.10.0579	Trương Hoàng	Việt	Nam	30/09/2000	9.50	6.00	Miễn	15.50	
194	25.04.10.0580	Hồ	Vinh	Nam	10/01/1986	7.50	4.00	Miễn	11.50	
195	25.04.10.0581	Đặng Minh	Vương	Nam	09/09/1996	9.00	4.00	Miễn	13.00	
196	25.04.10.0582	Đỗ Cao Thụy	Vy	Nữ	30/09/1996	10.00	6.00	Miễn	16.00	
197	25.04.10.0583	Võ Thị Thúy	Vy	Nữ	18/07/1998	v	v	Miễn	0.00	

STT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
					CS	CN	NN		
198	25.04.10.0584	Diệp Trần Mai Vy	Nữ	05/09/2000	9.00	6.50	Miễn	15.50	
199	25.04.10.0585	Lê Trần Nhật Vy	Nam	08/11/1998	9.00	4.00	Miễn	13.00	
200	25.04.10.0586	Nguyễn Thủy Vy	Nữ	08/06/1995	10.00	7.00	Miễn	17.00	
201	25.04.10.0587	Ngô Tường Vy	Nữ	10/09/2000	10.00	5.50	Miễn	15.50	+1CS
202	25.04.10.0588	Nguyễn Ken Win	Nam	19/01/1995	7.00	6.00	Miễn	13.00	
NGÀNH: NGOẠI (LÒNG NGỰC) (5)									
1	25.04.12.0187	Nguyễn Trọng Lâm	Nam	18/01/1996	7.50	7.00	Miễn	14.50	
2	25.04.12.0188	Trương Ái Linh	Nữ	19/11/2000	6.50	7.00	Miễn	13.50	
3	25.04.12.0189	Mai Tiến Luật	Nam	01/11/1997	5.50	7.50	Miễn	13.00	
4	25.04.12.0190	Trần Lê Chí Thanh	Nam	30/04/1997	5.50	6.50	Miễn	12.00	
5	25.04.12.0191	Nguyễn Thanh Vũ	Nam	15/05/1995	v	v	Miễn	0.00	
NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT (32)									
1	25.04.12.0192	Nguyễn Huy Bảo	Nam	23/07/1997	6.50	7.50	Miễn	14.00	
2	25.04.12.0193	Trần Thanh Bình	Nam	23/10/1999	6.50	6.00	Miễn	12.50	
3	25.04.12.0194	Giảng Phi Du	Nam	03/07/1999	6.00	6.00	Miễn	12.00	
4	25.04.12.0195	Lý Khánh Đạt	Nam	19/08/2000	6.00	7.50	Miễn	13.50	
5	25.04.12.0196	Lâm Hồng Đức	Nam	19/09/1995	6.50	7.00	Miễn	13.50	
6	25.04.12.0197	Phạm Văn Hoàng	Nam	18/03/1995	8.00	6.50	Miễn	14.50	
7	25.04.12.0198	Trương Ngọc Gia Huân	Nam	05/04/1998	6.00	7.00	Miễn	13.00	
8	25.04.12.0199	Trần Nhật Huy	Nam	16/05/1998	v	v	Miễn	0.00	
9	25.04.12.0200	Phan Gia Huy	Nam	06/05/2000	8.50	9.00	Miễn	17.50	
10	25.04.12.0201	Đinh Phan Khanh	Nam	25/05/1996	7.00	9.00	Miễn	16.00	
11	25.04.12.0202	Đinh Trần Quang Khải	Nam	10/04/2001	7.00	8.00	Miễn	15.00	
12	25.04.12.0203	Bùi Trần Quang Khải	Nam	24/11/2000	7.50	7.50	Miễn	15.00	
13	25.04.12.0204	Nguyễn Đoàn Thành Nhân	Nam	05/07/1999	6.50	6.50	Miễn	13.00	
14	25.04.12.0205	Nguyễn Hồng Phát	Nam	25/03/1998	7.50	7.50	Miễn	15.00	
15	25.04.12.0206	Nguyễn Văn Phú	Nam	23/02/2000	6.00	8.00	Miễn	14.00	
16	25.04.12.0207	Nguyễn Quốc Phương	Nam	15/10/1976	6.00	6.50	Miễn	12.50	
17	25.04.12.0208	Phan Nguyễn Phú Quý	Nam	10/07/1998	6.50	7.00	Miễn	13.50	
18	25.04.12.0209	Lê Thanh Sang	Nam	26/04/1997	9.00	5.50	Miễn	14.50	
19	25.04.12.0210	Nguyễn Thị Đức Tài	Nữ	01/01/2000	5.00	6.50	Miễn	11.50	
20	25.04.12.0211	Nguyễn Hưng Thịnh	Nam	27/06/1998	v	v	Miễn	0.00	
21	25.04.12.0212	Võ Huỳnh Thuyền	Nam	19/01/1997	9.00	6.50	Miễn	15.50	
22	25.04.12.0213	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	09/10/1997	6.50	6.50	Miễn	13.00	
23	25.04.12.0214	Trần Thanh Tuấn	Nam	01/07/1995	7.00	8.00	Miễn	15.00	
24	25.04.12.0215	Trần Sơn Tùng	Nam	01/09/2000	7.00	8.00	Miễn	15.00	
25	25.04.12.0216	Đặng Cẩm Tú	Nữ	28/06/1998	7.00	7.00	Miễn	14.00	
26	25.04.12.0217	Lê Anh Tú	Nam	08/07/1999	6.00	7.00	Miễn	13.00	
27	25.04.12.0218	Bành Mạnh Tú	Nam	20/02/1999	6.50	7.50	Miễn	14.00	
28	25.04.12.0219	Nguyễn Đỗ Uyên	Nữ	30/05/1999	6.50	7.00	Miễn	13.50	
29	25.04.12.0220	Nguyễn Quốc Văn	Nam	01/07/2000	8.00	8.00	Miễn	16.00	
30	25.04.12.0221	Tô Quốc Việt	Nam	10/07/1999	6.50	7.00	Miễn	13.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
31	25.04.12.0222	Trần Nguyễn Quốc	Việt	Nam	01/12/2000	5.00	6.50	Miễn	11.50	
32	25.04.12.0223	Trần Quang	Vinh	Nam	03/02/1992	5.00	6.50	Miễn	11.50	
NGÀNH: NHÂN KHOA (31)										
1	25.04.08.0224	Nguyễn Mã Lin	Đa	Nữ	05/08/2000	8.50	9.50	Miễn	18.00	
2	25.04.08.0225	Nguyễn Xuân	Hân	Nam	14/07/1998	v	v	Miễn	0.00	
3	25.04.08.0226	Mai Thị Thủy	Hằng	Nữ	28/01/2000	7.00	7.50	Miễn	14.50	
4	25.04.08.0227	Vũ Minh	Hiếu	Nữ	26/06/1998	7.00	8.00	Miễn	15.00	
5	25.04.08.0228	Nguyễn Ngọc Đăng	Huy	Nam	06/01/1998	6.50	10.00	Miễn	16.50	
6	25.04.08.0229	Trần	Huy	Nam	25/04/1999	7.50	8.00	Miễn	15.50	
7	25.04.08.0230	Trương Quang	Huy	Nam	24/06/1999	9.00	9.00	Miễn	18.00	
8	25.04.08.0231	Nguyễn Lưu Thanh	Huyền	Nữ	21/10/1999	5.50	7.00	Miễn	12.50	
9	25.04.08.0232	Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	28/07/1999	7.50	9.50	Miễn	17.00	
10	25.04.08.0233	Phan Trần	Lâm	Nam	05/05/1994	7.50	9.00	Miễn	16.50	
11	25.04.08.0234	Nguyễn Trọng	Lộc	Nam	05/02/1974	4.00	7.50	Miễn	11.50	
12	25.04.08.0235	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	22/09/1996	9.00	9.50	Miễn	18.50	
13	25.04.08.0236	Trần Tuyết	Minh	Nữ	11/12/2000	4.00	5.50	Miễn	9.50	
14	25.04.08.0237	Lê Kim	Ngân	Nữ	13/03/2000	8.00	8.00	Miễn	16.00	
15	25.04.08.0238	Văn Thị Thủy	Ngân	Nữ	12/01/1998	7.50	6.50	Miễn	14.00	
16	25.04.08.0239	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	16/06/1999	7.50	8.50	Miễn	16.00	
17	25.04.08.0240	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	21/02/1996	8.00	9.50	Miễn	17.50	
18	25.04.08.0241	Lê Hoàng	Nguyễn	Nam	12/02/2000	5.00	9.50	Miễn	14.50	
19	25.04.08.0242	Trương Phước Thanh	Nguyễn	Nữ	18/02/2000	5.00	8.50	Miễn	13.50	
20	25.04.08.0243	Nguyễn Hoài	Phương	Nữ	27/10/2000	9.50	8.50	Miễn	18.00	
21	25.04.08.0244	Nguyễn Quốc	Tài	Nam	30/03/1999	5.00	6.50	Miễn	11.50	
22	25.04.08.0245	Ngô Nghiên	Thạch	Nam	17/03/2000	8.00	7.50	Miễn	15.50	
23	25.04.08.0246	Đặng Ngọc Anh	Thư	Nữ	23/07/2000	7.50	7.00	Miễn	14.50	
24	25.04.08.0247	Nguyễn Thị Kim	Tòa	Nữ	09/09/2000	9.00	8.00	Miễn	17.00	
25	25.04.08.0248	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần	Nữ	28/05/1999	6.00	10.00	Miễn	16.00	
26	25.04.08.0249	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	15/05/1998	8.00	7.00	Miễn	15.00	
27	25.04.08.0250	Nguyễn Ngọc Quang	Trương	Nam	26/11/1999	7.00	10.00	Miễn	17.00	
28	25.04.08.0251	Nguyễn Đỗ Minh	Tuyên	Nam	11/11/1991	6.50	6.00	Miễn	12.50	
29	25.04.08.0252	Ngô Thị Khánh	Vân	Nữ	10/09/1998	7.50	8.50	Miễn	16.00	
30	25.04.08.0253	Nguyễn Xuân Thuý	Vy	Nữ	15/01/2000	9.50	8.00	Miễn	17.50	
31	25.04.08.0254	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	15/06/2000	6.50	7.00	Miễn	13.50	
NGÀNH: NHI KHOA (67)										
1	25.04.09.0255	Đào Thuý	Anh	Nữ	04/10/2000	9.50	7.00	Miễn	16.50	
2	25.04.09.0256	Lê Châu Minh	Anh	Nữ	14/08/1999	9.50	7.00	Miễn	16.50	
3	25.04.09.0257	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	01/03/1998	9.50	7.00	Miễn	16.50	
4	25.04.09.0258	Đàm Việt	Anh	Nam	12/04/2001	v	v	Miễn	0.00	
5	25.04.09.0259	Phạm Cao Long	Án	Nam	30/12/2000	9.00	7.00	Miễn	16.00	
6	25.04.09.0260	Trương Văn	Bằng	Nam	27/08/1998	8.50	6.00	Miễn	14.50	
7	25.04.09.0261	Nguyễn Lê Đông	Bình	Nam	24/11/1999	10.00	7.00	Miễn	17.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
8	25.04.09.0262	Đào Ngọc	Cường	Nam	12/09/1998	8.00	6.50	Miễn	14.50	
9	25.04.09.0263	Ngô Lâm Quang	Duy	Nam	03/09/1999	9.50	5.00	Miễn	14.50	
10	25.04.09.0264	Nguyễn Kim	Duyên	Nữ	19/07/1994	v	v	Miễn	0.00	
11	25.04.09.0265	Bùi Hữu	Đức	Nam	16/09/1999	9.50	7.50	Miễn	17.00	
12	25.04.09.0266	Nguyễn Quỳnh	Giang	Nữ	23/07/2001	7.00	2.00	Miễn	9.00	
13	25.04.09.0267	Lê Tuyết Minh	Hà	Nữ	10/12/1999	9.00	5.00	Miễn	14.00	
14	25.04.09.0268	Nguyễn Lê Nhật	Hà	Nữ	12/02/1996	6.50	2.00	Miễn	8.50	
15	25.04.09.0269	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	14/11/2000	v	v	Miễn	0.00	
16	25.04.09.0270	Nguyễn Đức	Hậu	Nam	21/09/2000	9.00	6.00	Miễn	15.00	
17	25.04.09.0271	Trần Thị Thúy	Hiền	Nữ	14/11/2001	9.00	4.50	Miễn	13.50	
18	25.04.09.0272	Nguyễn Huỳnh Thiên	Kim	Nữ	30/10/1999	9.50	9.00	Miễn	18.50	
19	25.04.09.0273	Hoàng Thị Mỹ	Linh	Nữ	08/02/1997	9.00	9.00	Miễn	18.00	
20	25.04.09.0274	Trần Mỹ	Linh	Nữ	24/12/2000	7.00	4.00	Miễn	11.00	
21	25.04.09.0275	Phan Hữu	Luân	Nam	19/03/1999	9.50	7.00	Miễn	16.50	
22	25.04.09.0276	Phạm Ngọc	Minh	Nữ	02/04/2000	8.00	7.50	Miễn	15.50	
23	25.04.09.0277	Lê Bình Phương	Ngân	Nữ	08/01/1997	8.00	4.00	Miễn	12.00	
24	25.04.09.0278	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	10/08/1999	9.50	7.00	Miễn	16.50	
25	25.04.09.0279	Huỳnh Như	Ngọc	Nữ	07/11/2001	9.00	7.00	Miễn	16.00	
26	25.04.09.0280	Bùi Trâm Minh	Nguyệt	Nữ	04/11/2000	9.50	9.00	Miễn	18.50	
27	25.04.09.0281	Nguyễn Hồng Uyên	Nhi	Nữ	28/04/1996	v	v	Miễn	0.00	
28	25.04.09.0282	Trần Thị Uyên	Nhi	Nữ	15/01/1999	6.00	4.00	Miễn	10.00	
29	25.04.09.0283	Cao Hoàng	Nhớ	Nam	19/12/1997	8.50	6.00	Miễn	14.50	
30	25.04.09.0284	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	15/02/1996	8.00	6.00	Miễn	14.00	+1CS
31	25.04.09.0285	Trương Minh	Nhật	Nam	07/09/1999	9.50	7.00	Miễn	16.50	
32	25.04.09.0286	Phạm Trần Bích	Oanh	Nữ	25/04/1999	v	v	Miễn	0.00	
33	25.04.09.0287	Huỳnh Phú	Phong	Nam	23/02/2000	6.50	3.00	Miễn	9.50	
34	25.04.09.0288	Võ Đức	Phú	Nam	19/09/1999	v	v	Miễn	0.00	
35	25.04.09.0289	Võ Ý	Phụng	Nữ	30/09/1998	9.00	10.00	Miễn	19.00	
36	25.04.09.0290	Lê Nguyễn Lâm	Phương	Nữ	15/08/1999	9.50	10.00	Miễn	19.50	
37	25.04.09.0291	Trần Văn	Quang	Nam	18/08/1999	v	v	Miễn	0.00	
38	25.04.09.0292	Nguyễn Minh	Quân	Nam	03/04/2000	6.00	3.00	Miễn	9.00	
39	25.04.09.0293	Trương Thị Kim	Quyên	Nữ	11/04/2000	v	v	Miễn	0.00	
40	25.04.09.0294	Lê Thị Kim	Sa	Nữ	10/03/1993	9.50	8.00	Miễn	17.50	
41	25.04.09.0295	Nguyễn Bảo	Son	Nam	19/05/1994	9.50	9.00	Miễn	18.50	
42	25.04.09.0296	Sử Thanh	Son	Nam	20/11/2000	9.50	4.00	Miễn	13.50	
43	25.04.09.0297	Đình Thành	Tâm	Nam	04/02/1998	v	v	Miễn	0.00	
44	25.04.09.0298	Lê Thị	Tâm	Nữ	13/02/2001	9.50	6.00	Miễn	15.50	
45	25.04.09.0299	Trần Huỳnh	Tấn	Nam	19/10/1993	8.50	5.00	Miễn	13.50	
46	25.04.09.0300	Trần Thị Ngọc	Thào	Nữ	09/04/2000	9.50	5.00	Miễn	14.50	
47	25.04.09.0301	Hồ Lê Hương	Thào	Nữ	22/01/1998	9.00	7.00	Miễn	16.00	
48	25.04.09.0302	Nguyễn Phạm Phương	Thào	Nữ	25/02/2000	9.50	6.50	Miễn	16.00	
49	25.04.09.0303	Nguyễn Thị Phương	Thào	Nữ	19/10/1999	7.50	6.00	Miễn	13.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
50	25.04.09.0304	Võ Nguyễn Anh	Thị	Nữ	19/07/1999	9.50	9.50	Miễn	19.00	
51	25.04.09.0305	Nguyễn Trường	Thịnh	Nam	18/04/2000	9.00	3.50	Miễn	12.50	
52	25.04.09.0306	Phan Huỳnh Đức	Thuận	Nam	17/02/1999	v	v	Miễn	0.00	
53	25.04.09.0307	Nguyễn Phan Diệu	Thùy	Nữ	17/12/1993	9.00	7.00	Miễn	16.00	
54	25.04.09.0308	Trương Thị Thu	Thùy	Nữ	06/01/2001	7.50	4.00	Miễn	11.50	
55	25.04.09.0309	Ngô Thị Anh	Thư	Nữ	29/09/2000	9.00	6.00	Miễn	15.00	
56	25.04.09.0310	Đặng Nữ Thùy	Trang	Nữ	23/06/1997	9.00	7.00	Miễn	16.00	
57	25.04.09.0311	Cao Thị Phương	Trang	Nữ	26/04/2000	7.00	7.00	Miễn	14.00	
58	25.04.09.0312	Vũ Ngọc	Trâm	Nữ	19/09/1999	9.50	10.00	Miễn	19.50	
59	25.04.09.0313	Hồ Ngọc	Trân	Nam	12/09/2000	7.00	v	Miễn	7.00	
60	25.04.09.0314	Lê Thị Kim	Tuyền	Nữ	09/09/1999	9.00	5.00	Miễn	14.00	
61	25.04.09.0315	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	16/03/1999	8.50	7.00	Miễn	15.50	
62	25.04.09.0316	Cổ Thị Mai	Uyên	Nữ	29/08/2000	9.00	6.50	Miễn	15.50	
63	25.04.09.0317	Đặng Trần Phương	Uyên	Nữ	30/09/1999	7.00	4.00	Miễn	11.00	
64	25.04.09.0318	Bùi Lê	Uyên	Nữ	18/10/1999	v	v	Miễn	0.00	
65	25.04.09.0319	Trần Thị Thảo	Uyên	Nữ	14/03/1999	9.50	9.00	Miễn	18.50	
66	25.04.09.0320	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	25/01/1998	10.00	8.00	Miễn	18.00	
67	25.04.09.0321	Nguyễn Phương	Vy	Nữ	09/02/2000	9.00	4.00	Miễn	13.00	+1CS
NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA (89)										
1	25.04.15.0589	Lê Thị Quý	Anh	Nữ	11/04/1999	7.50	8.50	Miễn	16.00	
2	25.04.15.0590	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	02/02/2000	7.00	8.50	Miễn	15.50	
3	25.04.15.0591	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	05/12/1996	6.50	7.00	Miễn	13.50	
4	25.04.15.0592	Nguyễn Minh	Anh	Nữ	07/04/2000	8.00	8.00	Miễn	16.00	
5	25.04.15.0593	Đặng Thị Tuyết	Ánh	Nữ	12/06/2000	8.00	7.50	Miễn	15.50	
6	25.04.15.0594	Trần Huỳnh	Ân	Nữ	06/08/1999	6.50	7.00	Miễn	13.50	
7	25.04.15.0595	Son Thị Ngọc	Bích	Nữ	04/01/1995	8.00	8.50	Miễn	16.50	+1CS
8	25.04.15.0596	Thái Hồng	Cầm	Nữ	13/06/2001	7.00	8.00	Miễn	15.00	
9	25.04.15.0597	Đàng Thị Mỹ	Dáng	Nữ	03/02/1997	8.50	8.00	Miễn	16.50	
10	25.04.15.0598	Võ Thị Ngọc	Diệp	Nữ	08/10/1999	8.50	8.50	Miễn	17.00	
11	25.04.15.0599	Hồ Thị Phương	Dung	Nữ	21/12/1999	7.00	8.00	Miễn	15.00	
12	25.04.15.0600	Lê Thị Xuân	Đào	Nữ	15/05/1999	7.00	7.50	Miễn	14.50	
13	25.04.15.0601	Nguyễn Bảo	Giang	Nam	04/04/1995	7.00	6.00	Miễn	13.00	
14	25.04.15.0602	Vũ Thị	Hà	Nữ	24/12/1999	5.50	7.00	Miễn	12.50	
15	25.04.15.0603	Trần Hữu	Hào	Nam	07/07/2000	7.50	7.50	Miễn	15.00	
16	25.04.15.0604	Trần Thị	Hằng	Nữ	25/02/1999	7.50	7.00	Miễn	14.50	
17	25.04.15.0605	Tô Lê Minh	Hằng	Nữ	06/04/1999	7.50	9.50	Miễn	17.00	
18	25.04.15.0606	Nguyễn Ngọc Kiều	Hân	Nữ	12/04/2000	5.50	6.00	Miễn	11.50	
19	25.04.15.0607	Bùi Thái Ngọc	Hân	Nữ	01/12/2001	4.00	3.50	Miễn	7.50	
20	25.04.15.0608	Vũ Ngọc	Hiền	Nam	21/08/2000	5.50	6.00	Miễn	11.50	
21	25.04.15.0609	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	02/02/2000	v	v	Miễn	0.00	
22	25.04.15.0610	Trần Thị	Hoài	Nữ	28/10/2000	5.50	8.50	Miễn	14.00	
23	25.04.15.0611	Huỳnh Phúc	Hoàng	Nam	08/01/2000	7.50	9.00	Miễn	16.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
24	25.04.15.0612	Đỗ Thị Khánh	Huyền	Nữ	29/09/1999	7.50	8.50	Miễn	16.00	
25	25.04.15.0613	Huỳnh Quốc	Hưng	Nam	13/01/2000	7.50	4.00	Miễn	11.50	
26	25.04.15.0614	Lê Trung	Khả	Nam	20/11/1996	8.50	8.50	Miễn	17.00	
27	25.04.15.0615	Đồng Kim	Khánh	Nữ	18/08/2001	6.50	4.00	Miễn	10.50	
28	25.04.15.0616	Ngô Việt	Khoa	Nam	06/05/1996	9.00	8.00	Miễn	17.00	+1CS
29	25.04.15.0617	Lưu Ngọc Minh	Khuê	Nữ	04/03/1999	7.00	6.50	Miễn	13.50	
30	25.04.15.0618	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Nữ	27/11/1999	5.00	7.50	Miễn	12.50	
31	25.04.15.0619	Bùi Thị Kim	Liên	Nữ	17/02/1999	8.50	8.50	Miễn	17.00	
32	25.04.15.0620	Nguyễn Bạch Bội	Linh	Nữ	09/10/1999	6.00	9.00	Miễn	15.00	
33	25.04.15.0621	Phan Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	20/02/1999	7.50	6.00	Miễn	13.50	
34	25.04.15.0622	Nguyễn Thị Thái	Linh	Nữ	13/11/1996	7.50	9.00	Miễn	16.50	
35	25.04.15.0623	Phùng Phương	Linh	Nữ	12/04/1999	v	v	Miễn	0.00	
36	25.04.15.0624	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	25/08/1997	v	v	Miễn	0.00	
37	25.04.15.0625	Trần Thị Trà	Mi	Nữ	28/10/1997	6.50	6.00	Miễn	12.50	
38	25.04.15.0626	Dương Khải	Minh	Nam	25/06/2000	7.50	8.00	Miễn	15.50	
39	25.04.15.0627	Chea	Mom	Nữ	30/9/1999	8.00	8.50	Miễn	16.50	
40	25.04.15.0628	Lương Trà	My	Nữ	20/03/2000	6.50	8.50	Miễn	15.00	
41	25.04.15.0629	Nguyễn Hoài	Nam	Nam	17/03/2001	5.00	3.50	Miễn	8.50	
42	25.04.15.0630	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	10/02/2001	8.50	8.50	Miễn	17.00	
43	25.04.15.0631	Nguyễn Triều	Nghi	Nữ	01/06/2000	5.00	4.00	Miễn	9.00	
44	25.04.15.0632	Bùi Lâm Mộng	Ngọc	Nữ	23/12/1999	8.50	9.50	Miễn	18.00	
45	25.04.15.0633	Lê Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	27/10/1996	v	v	Miễn	0.00	
46	25.04.15.0634	Võ Thị Hồng	Ngọc	Nữ	18/01/2000	8.00	7.00	Miễn	15.00	
47	25.04.15.0635	Trần Kim	Ngọc	Nữ	22/07/1997	7.50	8.50	Miễn	16.00	
48	25.04.15.0636	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	14/12/2000	7.50	6.50	Miễn	14.00	
49	25.04.15.0637	Huỳnh Hà Uyên	Nhi	Nữ	08/06/1996	7.50	6.50	Miễn	14.00	
50	25.04.15.0638	Bùi Thị Phương	Như	Nữ	18/01/1995	7.00	8.00	Miễn	15.00	
51	25.04.15.0639	Trần Ngọc	Phát	Nam	14/11/2000	7.00	8.00	Miễn	15.00	
52	25.04.15.0640	Lâm Thạnh	Phong	Nam	10/11/1999	8.50	9.00	Miễn	17.50	
53	25.04.15.0641	Lê Thị Nam	Phương	Nữ	01/05/2000	8.00	8.00	Miễn	16.00	
54	25.04.15.0642	Hồ Thúc Uyên	Phương	Nữ	17/06/1999	5.50	5.50	Miễn	11.00	
55	25.04.15.0643	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	08/03/1999	7.00	8.50	Miễn	15.50	
56	25.04.15.0644	Lê Thị Bích	Phượng	Nữ	01/04/2000	5.50	6.50	Miễn	12.00	
57	25.04.15.0645	Ngô Thị Hồng	Phượng	Nữ	22/02/1998	8.50	9.00	Miễn	17.50	
58	25.04.15.0646	Nguyễn Thị Nguyệt	Quế	Nữ	11/08/1998	8.00	9.50	Miễn	17.50	
59	25.04.15.0647	Phạm Thúy	Quỳnh	Nữ	18/04/1998	6.50	8.00	Miễn	14.50	
60	25.04.15.0648	Nguyễn Ngọc Tú	Quỳnh	Nữ	07/03/1994	8.00	8.50	Miễn	16.50	
61	25.04.15.0649	Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	12/06/1998	8.00	5.00	Miễn	13.00	
62	25.04.15.0650	Lê Tấn	Sang	Nam	09/02/2000	8.00	8.50	Miễn	16.50	
63	25.04.15.0651	Trần Thị	Sen	Nữ	02/01/1999	9.50	8.00	Miễn	17.50	
64	25.04.15.0652	Châu Thanh	Thảo	Nữ	02/05/2000	6.00	7.00	Miễn	13.00	
65	25.04.15.0653	Hồ Thị Giang	Thanh	Nữ	08/10/1999	8.00	7.00	Miễn	15.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
66	25.04.15.0654	Võ Duy	Thành	Nam	03/01/1999	v	v	Miễn	0.00	
67	25.04.15.0655	Đặng Anh	Thảo	Nữ	06/06/1997	10.00	10.00	Miễn	20.00	
68	25.04.15.0656	Phan Thị Thanh	Thảo	Nữ	13/05/1998	8.00	8.50	Miễn	16.50	
69	25.04.15.0657	Nguyễn Thị Thiên	Thảo	Nữ	01/01/1998	v	v	Miễn	0.00	
70	25.04.15.0658	Trần Tiến	Thịnh	Nam	18/02/1999	5.50	5.50	Miễn	11.00	
71	25.04.15.0659	Cao Thị	Thom	Nữ	26/05/1995	v	v	Miễn	0.00	
72	25.04.15.0660	Đặng Thị	Thu	Nữ	24/04/2000	7.00	7.50	Miễn	14.50	
73	25.04.15.0661	Lại Thị Kim	Thủy	Nữ	17/09/1997	7.00	8.00	Miễn	15.00	
74	25.04.15.0662	Nguyễn Trung	Tín	Nam	05/01/1998	8.50	8.50	Miễn	17.00	
75	25.04.15.0663	Lê Ngọc	Tính	Nam	08/10/2000	5.50	5.50	Miễn	11.00	
76	25.04.15.0664	Đỗ Thị Thanh	Trang	Nữ	16/03/1999	5.00	8.00	Miễn	13.00	
77	25.04.15.0665	Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	04/03/1999	7.00	7.50	Miễn	14.50	
78	25.04.15.0666	Nguyễn Văn	Trang	Nữ	28/11/1998	7.50	8.50	Miễn	16.00	
79	25.04.15.0667	Phạm Hương	Trà	Nữ	27/07/2001	9.00	8.50	Miễn	17.50	+1CS
80	25.04.15.0668	Trần Nguyễn Quế	Trân	Nữ	02/10/1999	7.00	8.00	Miễn	15.00	
81	25.04.15.0669	Huỳnh Thị Tuyết	Trinh	Nữ	19/02/1999	9.00	7.50	Miễn	16.50	
82	25.04.15.0670	Lê Xuân	Tùng	Nam	02/08/1999	6.00	7.50	Miễn	13.50	
83	25.04.15.0671	Lê Quang	Tuấn	Nam	06/07/1997	v	v	Miễn	0.00	
84	25.04.15.0672	Nguyễn Phước Thanh	Tuyền	Nữ	13/12/1997	7.50	6.00	Miễn	13.50	
85	25.04.15.0673	Trần Ngọc Minh	Tú	Nữ	25/10/1999	5.50	7.00	Miễn	12.50	
86	25.04.15.0674	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	16/04/1996	7.50	8.00	Miễn	15.50	
87	25.04.15.0675	Ngô Lâm	Uyên	Nữ	10/04/1999	v	v	Miễn	0.00	
88	25.04.15.0676	Trần Phạm Ái	Xuân	Nữ	25/05/1999	8.00	4.00	Miễn	12.00	
89	25.04.15.0677	Phạm Thị Hải	Yến	Nữ	15/06/2000	7.00	7.00	Miễn	14.00	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG (37)										
1	25.04.16.0678	Trần Huỳnh Thiên	An	Nữ	06/04/1994	7.50	8.00	Miễn	15.50	
2	25.04.16.0679	Cát Hoàng	Anh	Nữ	09/04/1998	v	v	Miễn	0.00	
3	25.04.16.0680	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	09/04/1999	9.50	8.00	Miễn	17.50	
4	25.04.16.0681	Đặng Lê Bảo	Bảo	Nam	10/08/2000	6.50	5.00	Miễn	11.50	
5	25.04.16.0682	Nguyễn Thiên	Dương	Nam	23/08/2000	6.00	7.00	Miễn	13.00	
6	25.04.16.0683	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	24/07/1999	8.00	8.50	Miễn	16.50	
7	25.04.16.0684	Phạm Minh	Đặng	Nam	02/10/2000	8.00	8.50	Miễn	16.50	
8	25.04.16.0685	Nguyễn Hải	Đường	Nam	15/06/1997	7.00	8.50	Miễn	15.50	
9	25.04.16.0686	Ngô Văn	Hoàng	Nam	17/02/1997	6.00	6.50	Miễn	12.50	
10	25.04.16.0687	Nguyễn Đình	Huy	Nam	03/05/1996	7.00	8.00	Miễn	15.00	
11	25.04.16.0688	Phạm Đoàn Thảo	Hương	Nữ	12/06/2000	7.50	7.00	Miễn	14.50	
12	25.04.16.0689	Nguyễn Trần	Khang	Nam	30/05/1999	8.00	8.00	Miễn	16.00	
13	25.04.16.0690	Nguyễn Trần	Khang	Nam	01/11/2000	9.50	9.50	Miễn	19.00	
14	25.04.16.0691	Trương Thành	Khải	Nam	01/07/1998	8.00	9.50	Miễn	17.50	
15	25.04.16.0692	Hoàng Thị Vân	Khánh	Nữ	22/12/2000	6.50	8.00	Miễn	14.50	
16	25.04.16.0693	Đặng Minh	Khánh	Nam	28/09/1995	7.50	8.00	Miễn	15.50	
17	25.04.16.0694	Nguyễn Ngọc	Lan	Nữ	08/01/1998	7.50	8.50	Miễn	16.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN			Tổng điểm	Ghi chú
						CS	CN	NN		
18	25.04.16.0695	Trần Võ Khánh	Linh	Nữ	20/09/2000	8.00	9.50	Miễn	17.50	
19	25.04.16.0696	Huỳnh Đức	Long	Nam	18/09/2001	7.50	8.00	Miễn	15.50	
20	25.04.16.0697	Đoàn Lâm	Minh	Nam	23/11/2001	8.50	8.50	Miễn	17.00	
21	25.04.16.0698	Nguyễn Thanh	Ngân	Nữ	26/10/1999	8.50	5.50	Miễn	14.00	
22	25.04.16.0699	Nguyễn Đình Bảo	Ngọc	Nữ	15/11/1999	7.00	9.50	Miễn	16.50	
23	25.04.16.0700	Huỳnh Thị Minh	Ngọc	Nữ	21/12/1996	4.00	5.50	Miễn	9.50	
24	25.04.16.0701	Nguyễn Đoàn Bảo	Nguyễn	Nữ	23/12/2000	6.50	6.00	Miễn	12.50	
25	25.04.16.0702	Đỗ Hoàng Trung	Nguyễn	Nam	24/11/1993	9.00	6.50	Miễn	15.50	
26	25.04.16.0703	Nguyễn Tổ	Như	Nữ	26/04/2000	8.00	8.50	Miễn	16.50	
27	25.04.16.0704	Huỳnh Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	03/07/1999	6.50	6.00	Miễn	12.50	
28	25.04.16.0705	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	10/10/1996	7.50	9.00	Miễn	16.50	
29	25.04.16.0706	Ngô Thị Kim	Phương	Nữ	05/04/2000	8.00	8.50	Miễn	16.50	
30	25.04.16.0707	Phan Đình	Son	Nam	25/02/2000	8.00	8.50	Miễn	16.50	
31	25.04.16.0708	Văn Đình	Tài	Nam	17/01/1995	8.50	7.50	Miễn	16.00	
32	25.04.16.0709	Nguyễn Trí	Tâm	Nam	23/12/1992	7.00	8.50	Miễn	15.50	
33	25.04.16.0710	Võ Thanh	Thảo	Nữ	29/01/2000	9.00	9.00	Miễn	18.00	
34	25.04.16.0711	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	26/07/2000	5.50	6.50	Miễn	12.00	
35	25.04.16.0712	Nguyễn Tường	Vân	Nữ	16/08/1995	5.50	3.50	Miễn	9.00	
36	25.04.16.0713	Hà Yến	Vy	Nữ	19/06/2000	5.50	7.00	Miễn	12.50	
37	25.04.16.0714	Nguyễn Lan	Vy	Nữ	13/04/2000	6.00	6.50	Miễn	12.50	
NGÀNH: Y HỌC GIA ĐÌNH						6				
1	25.04.22.0715	Cao Thanh	Bình	Nữ	15/05/1985	8.50	7.50	Miễn	16.00	
2	25.04.22.0716	Nguyễn Vương Minh	Châu	Nữ	26/01/1999	8.00	3.00	Miễn	11.00	
3	25.04.22.0717	Nguyễn Việt	Khái	Nam	19/11/1995	8.50	5.00	Miễn	13.50	
4	25.04.22.0718	Phạm Tiến	Luật	Nam	09/03/1987	5.00	6.00	Miễn	11.00	
5	25.04.22.0719	Dương Khải	Minh	Nam	28/01/1998	7.50	7.50	Miễn	15.00	
6	25.04.22.0720	Trần Thị	Quyên	Nữ	25/03/1996	8.50	9.00	Miễn	17.50	
NGÀNH: Y TẾ CÔNG CỘNG						(2)				
1	25.04.23.0721	Đặng Văn	Đức	Nam	26/11/2001	6.00	6.50	Miễn	12.50	
2	25.04.23.0722	Trần Ánh	Xuân	Nữ	01/07/1999	8.00	8.50	Miễn	16.50	

Danh sách có 722 thí sinh.

Ghi chú: Điểm trên đã bao gồm cộng 1.00 điểm vào môn cơ sở đối với thí sinh diện ưu tiên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC



PGS. TS. DS. Nguyễn Đăng Thoại
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH